# KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 31/12/2024 | 3,200 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| *Thay đổi* | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | 0% | 3.2% | - |

**DT thuần** — *2024*: **690** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 306 ▲ 79.7%

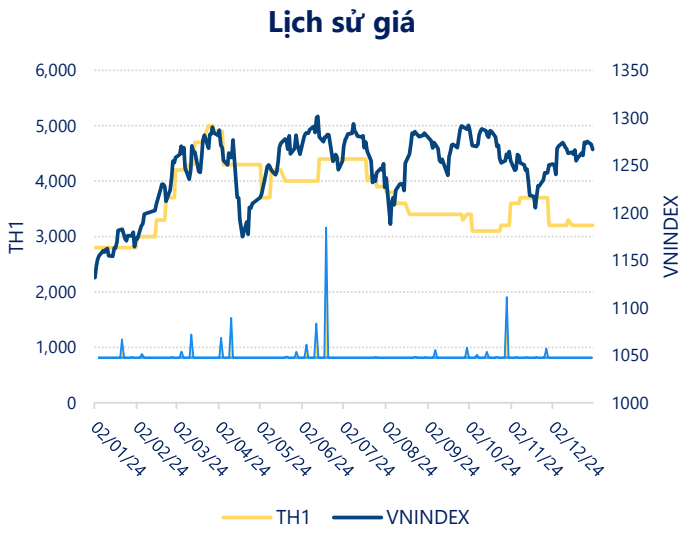
**LN gộp** — *2024*: **60.4** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 38.1 ▲ 171%

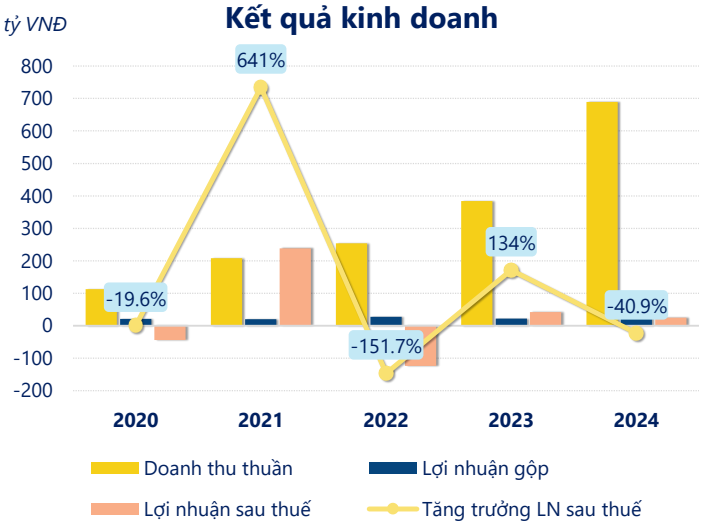
**LN thuần** — *2024*: **26.0** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 4.00 ▲ 18.6%

**LN sau thuế** — *2024*: **25.0** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 17.2 ▼ 40.9%

**ROE** — 2024: **117%** — +/- YoY ▲ 475%

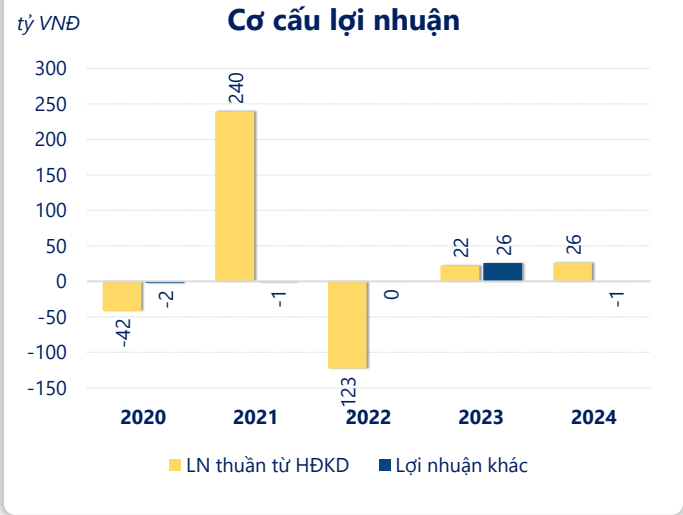
**ROA** — 2024: **3.7%** — +/- YoY ▼ 4.4%

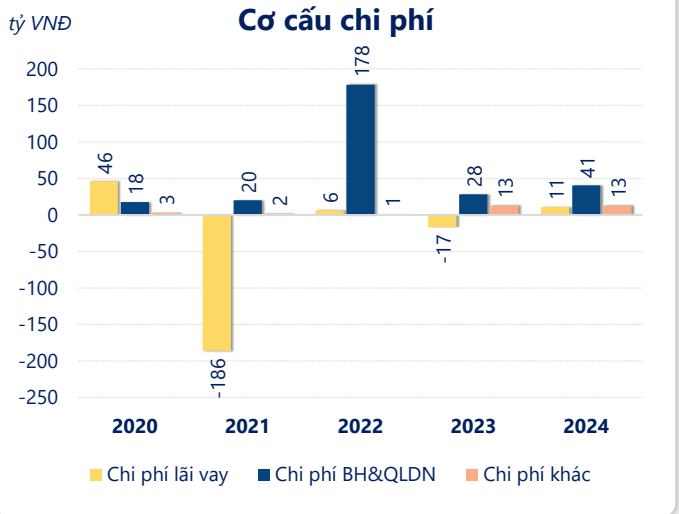



Năm **2024**, **TH1** ghi nhận doanh thu thuần **689.8** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **24.96** tỷ đồng, lần lượt **tăng 79.7%** và **giảm 40.9%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **117%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

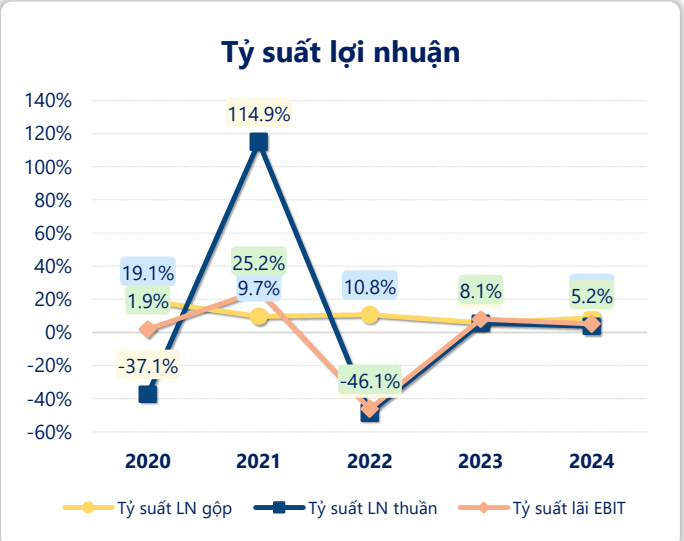


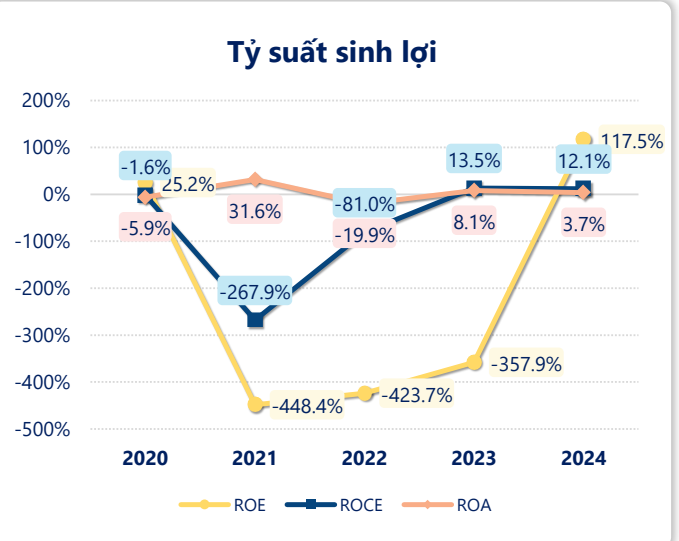




Năm **2024**, **TH1** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **26.04** tỷ đồng, **tăng lên 4.08** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (24.59 tỷ đồng) là 1.45 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

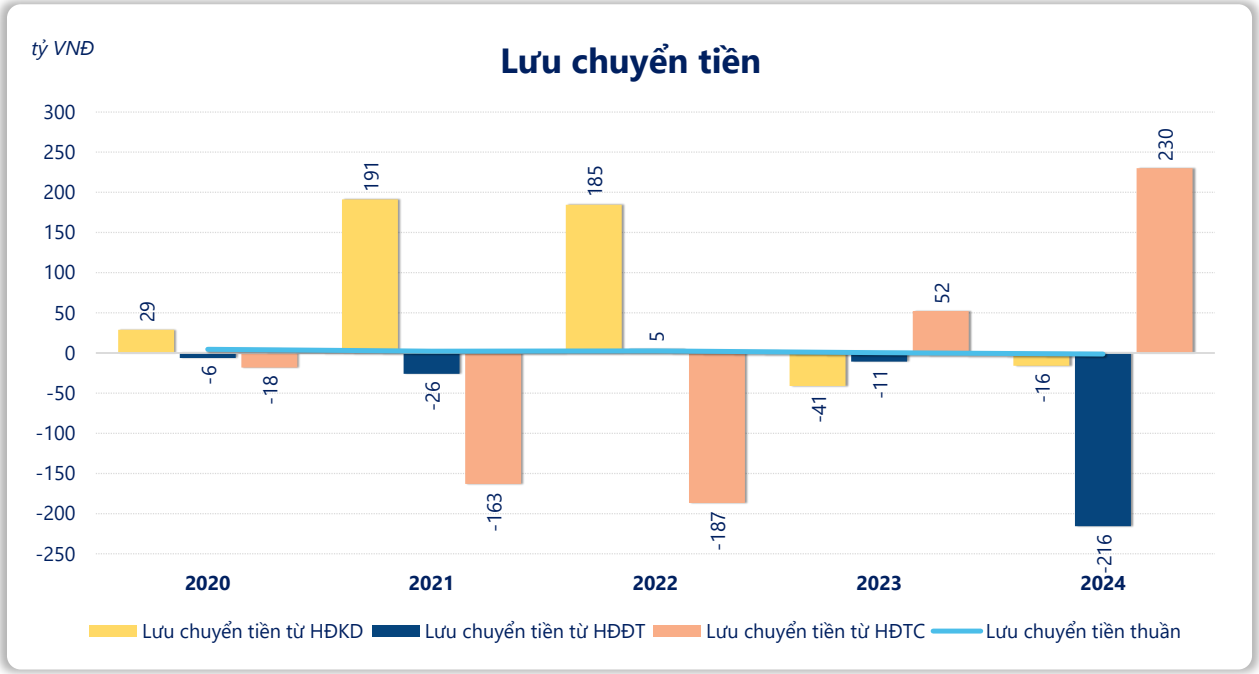
**Chi phí lãi vay tăng lên** so với năm trước, ở mức **10.85** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **40.59** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **12.55** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của TH1 năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **117%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **113** | **208** | **254** | **384** | **690** |
| Giá vốn hàng bán | 91.2 | 188 | 226 | 361 | 629 |
| **Lợi nhuận gộp** | **21.5** | **20.3** | **27.3** | **22.3** | **60.4** |
| Doanh thu HĐTC | 1.44 | 68.2 | 90.6 | 21.9 | 38.1 |
| Chi phí TC | 47.2 | -185 | 55.9 | -7.98 | 30.5 |
| **Chi phí lãi vay** | **46.3** | **-186** | **6.22** | **-16.6** | **10.8** |
| LN trong công ty LKLD | 0 | -14.1 | -6.43 | -1.87 | -1.38 |
| Chi phí bán hàng | 11.8 | 11.7 | 15.8 | 18.9 | 35.2 |
| Chi phí QLDN | 5.86 | 8.33 | 162 | 9.43 | 5.40 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **-41.9** | **240** | **-123** | **22.0** | **26.0** |
| Lợi nhuận khác | -2.28 | -0.87 | -0.43 | 25.7 | -0.77 |
| **LN trước thuế** | **-44.1** | **239** | **-123** | **47.7** | **25.3** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **-44.1** | **239** | **-123** | **42.2** | **25.0** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **-44.1** | **239** | **-123** | **42.2** | **25.0** |




**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của TH1 bằng **-1.34** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (0.37 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-15.84** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-215.7** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **230.2** tỷ đồng.